

HẠN MỨC, BIỂU PHÍ DỊCH VỤ THẺ GHI NỢ

A. HẠN MỨC, BIỂU PHÍ

(Đơn vị tính: VNĐ)

I	DỊCH VỤ THẺ GHI NỢ NỘI ĐỊA			
1	THẺ HOÀNG SA			
1.1	Hạn mức giao dịch tối đa/ngày	Hạn mức		
1.1.1	Chuyển khoản tại ATM KienlongBank (tài khoản nhận thuộc KienlongBank)	200.000.000		
1.1.2	Chuyển khoản liên ngân hàng tại ATM nói chung	200.000.000		
1.1.3	Giao dịch thanh toán trực tiếp tại POS	100.000.000		
1.1.4	Rút tiền mặt tại ATM trong nước	200.000.000		
1.2	Hạn mức giao dịch tối đa/lần	Hạn mức		
1.2.1	Chuyển khoản tại ATM KienlongBank (tài khoản nhận thuộc KienlongBank)	10.000.000		
1.2.2	Chuyển khoản liên ngân hàng tại ATM KienlongBank	10.000.000		
1.2.3	Chuyển khoản liên ngân hàng tại ATM Ngân hàng khác	Theo quy định của Ngân hàng khác		
1.2.4	Giao dịch thanh toán trực tiếp tại POS	50.000.000		
1.2.5	Rút tiền mặt tại ATM KienlongBank	10.000.000		
1.2.6	Rút tiền mặt tại ATM Ngân hàng khác	Theo quy định của Ngân hàng khác		
1.3	Phí dịch vụ thẻ	Mức phí	Phí tối thiểu	Phí tối đa
1.3.1	Phí thay thẻ (cấp lại) thẻ	50.000		
2	THẺ TRƯỜNG SA			
2.1	Hạn mức giao dịch tối đa/ngày	Hạn mức		
2.1.1	Chuyển khoản tại ATM KienlongBank (tài khoản nhận thuộc KienlongBank)	100.000.000		
2.1.2	Chuyển khoản liên Ngân hàng tại ATM nói chung	100.000.000		
2.1.3	Giao dịch thanh toán trực tiếp tại POS	50.000.000		
2.1.4	Rút tiền mặt tại ATM trong nước	100.000.000		
2.2	Hạn mức giao dịch tối đa/lần	Hạn mức		
2.2.1	Chuyển khoản tại ATM KienlongBank (tài khoản nhận thuộc KienlongBank)	5.000.000		
2.2.2	Chuyển khoản liên ngân hàng tại ATM KienlongBank	5.000.000		
2.2.3	Chuyển khoản liên ngân hàng tại ATM Ngân hàng khác	Theo quy định của Ngân hàng khác		
2.2.4	Giao dịch thanh toán trực tiếp tại POS	30.000.000		
2.2.5	Rút tiền mặt tại ATM KienlongBank	5.000.000		

2.2.6	Rút tiền mặt tại ATM Ngân hàng khác	Theo quy định của Ngân hàng khác		
2.3	Phí dịch vụ thẻ	Mức phí	Phí tối thiểu	Phí tối đa
2.3.1	Phí thay thẻ (cấp lại) thẻ	20.000		
3	THẺ UNICARD			
3.1	Hạn mức giao dịch tối đa/ngày	Hạn mức		
3.1.1	Chuyển khoản tại ATM KienlongBank (tài khoản nhận thuộc KienlongBank)	200.000.000		
3.1.2	Chuyển khoản liên ngân hàng tại ATM nói chung	100.000.000		
3.1.3	Giao dịch thanh toán trực tiếp tại POS	100.000.000		
3.1.4	Rút tiền mặt tại ATM trong nước	200.000.000		
3.2	Hạn mức giao dịch tối đa/lần	Hạn mức		
3.2.1	Chuyển khoản tại ATM KienlongBank (tài khoản nhận thuộc KienlongBank)	10.000.000		
3.2.2	Chuyển khoản liên ngân hàng tại ATM KienlongBank	5.000.000		
3.2.3	Chuyển khoản liên ngân hàng tại ATM Ngân hàng khác	Theo quy định của Ngân hàng khác		
3.2.4	Giao dịch thanh toán trực tiếp tại POS	50.000.000		
3.2.5	Rút tiền mặt tại ATM KienlongBank	10.000.000		
3.2.6	Rút tiền mặt tại ATM Ngân hàng khác	Theo quy định của Ngân hàng khác		
3.3	Phí dịch vụ thẻ	Mức phí	Phí tối thiểu	Phí tối đa
3.3.1	Phí thay thẻ (cấp lại) thẻ	<ul style="list-style-type: none"> - Thẻ vật lý (Tại Quây): 50.000 - Thẻ Phi vật lý (Tại Ứng dụng KienlongBank Plus): Miễn phí 		
3.3.2	Phí chuyển đổi sang Thẻ vật lý (Áp dụng với Thẻ Phi vật lý)	Miễn phí		
4	HẠN MỨC, BIỂU PHÍ CHUNG			
4.1	Hạn mức giao dịch	Hạn mức		
4.1.1	Tổng số lần chuyển khoản tại ATM KienlongBank (tài khoản nhận thuộc KienlongBank) tối đa/ngày	99 lần		
4.1.2	Tổng số lần chuyển khoản tại ATM KienlongBank (tài khoản nhận liên ngân hàng) tối đa/ngày	10 lần		
4.1.3	Tổng số lần rút tiền mặt tại ATM nói chung tối đa/ngày	20 lần		
4.1.4	Thẻ Ngân hàng khác rút tiền mặt tại ATM KienlongBank hạn mức tối đa/lần	3.000.000		
4.1.5	Số lần giao dịch thanh toán Contactless tại POS/ ngày	Không giới hạn		
4.1.6	Hạn mức Giao dịch thanh toán Contactless tại POS/ lần	1.000.000		

4.1.7	Hạn mức Giao dịch thanh toán Contactless tại POS/ ngày	3.000.000		
4.1.8	Hạn mức giao dịch thanh toán trực tuyến (E.commerce)/ lần			
	- Gói ECOM-BASIC	20.000.000		
	- Gói ECOM-ADVANCE	50.000.000		
4.1.9	Hạn mức giao dịch thanh toán trực tuyến (E.commerce)/ ngày			
	- Gói ECOM-BASIC	100.000.000		
	- Gói ECOM-ADVANCE	200.000.000		
4.2	Phí dịch vụ Thẻ	Mức phí	Phí tối thiểu	Phí tối đa
4.2.1	Phí phát hành thẻ	Miễn phí		
4.2.2	Phí cấp lại mã số ePIN	- Tại Ứng dụng KienlongBank Plus: Miễn phí - Tại Quầy: Không áp dụng		
4.2.3	Phí duy trì dịch vụ thẻ ⁽⁴⁾			
	- Thẻ chính	- Miễn phí năm đầu tiên (Thời hạn 01 năm tính từ ngày phát hành thẻ) - Từ năm thứ hai trở đi: 5.000/tháng		
	- Thẻ phụ	Miễn phí		
4.2.4	Phí khóa/mở khóa thẻ	Miễn phí		
4.2.5	Phí gia hạn Thẻ	Miễn phí		
4.2.6	Phí đóng thẻ trước hạn theo yêu cầu Chủ Thẻ	20.000		
4.2.7	Phí tra soát khiếu nại			
	- Lỗi không thuộc về khách hàng	Miễn phí		
	- Lỗi thuộc về khách hàng	20.000/lần		
4.2.8	Phí nhận lại thẻ bị nuốt	Miễn phí		
4.2.9	Phí đăng ký/thay đổi thông tin gói dịch vụ thanh toán trực tuyến eCommerce	Miễn phí		
4.2.10	Phí Bật/Tắt tính năng: Thanh toán trực tuyến/Rút tiền mặt tại ATM/Giao dịch thanh toán tại POS	Miễn phí		
4.2.11	Phí giao dịch thanh toán trực tuyến	Miễn phí		
4.3	Số dư tối thiểu trong tài khoản mặc định liên kết đến thẻ ⁽³⁾			
4.3.1	Cá nhân	Không yêu cầu		
4.3.2	Tổ chức	Theo quy định TKTT tổ chức của KienlongBank		
4.4	Phí giao dịch tại máy ATM	Mức phí	Phí tối thiểu	Phí tối đa
4.4.1	Phí rút tiền mặt			
	- Tại ATM KienlongBank	Miễn phí		
	- Tại ATM Ngân hàng khác	Miễn phí		
4.4.2	Phí chuyển khoản trong hệ thống KienlongBank			

	- Tại ATM KienlongBank	Miễn phí		
	- Tại ATM Ngân hàng khác	1.500/giao dịch		
4.4.3	Phí chuyển khoản liên ngân hàng			
	- Tại ATM KienlongBank	Miễn phí		
	- Tại ATM Ngân hàng khác trong nước	3.000/giao dịch		
4.4.4	Phí tra cứu số dư			
	- Tại ATM KienlongBank			
	+ Không in biên lai (trừ UniCard)	500/giao dịch		
	+ Không in biên lai (đối với UniCard)	Miễn phí		
	+ Có in biên lai	500/giao dịch		
	- Tại ATM Ngân hàng khác	500/giao dịch		
4.4.5	Phí in sao kê giao dịch			
	- Tại ATM KienlongBank	500/giao dịch		
	- Tại ATM Ngân hàng khác	500/giao dịch		
4.4.6	Phí đổi mã số PIN			
	- Tại ATM KienlongBank	Miễn phí		
	- Tại ATM Ngân hàng khác	Miễn phí		
4.5	Phí giao dịch tại POS	Mức phí	Phí tối thiểu	Phí tối đa
4.5.1	Phí thanh toán hàng hóa dịch vụ			
	- Tại POS của KienlongBank đặt tại ĐVCNT	Miễn phí		
	- Tại POS của Ngân hàng khác đặt tại ĐVCNT	Miễn phí		
4.5.2	Phí đổi mã số PIN tại POS của KienlongBank đặt tại CN/PGD KienlongBank	Miễn phí		
4.5.3	Phí tra cứu số dư tại POS của KienlongBank đặt tại CN/PGD KienlongBank	Miễn phí		
II	DỊCH VỤ THẺ GHI NỢ QUỐC TẾ			
1	THẺ JCB CLASSIC			
1.1	Hạn mức giao dịch tối đa/ngày	Hạn mức		
1.1.1	Chuyển khoản tại ATM KienlongBank (tài khoản nhận thuộc KienlongBank)	100.000.000		
1.1.2	Chuyển khoản liên ngân hàng tại ATM nói chung	100.000.000		
1.1.3	Rút tiền mặt tại ATM trong nước	50.000.000		
1.1.4	Rút tiền mặt tại ATM nước ngoài ⁽⁵⁾	30.000.000		
1.1.5	Giao dịch thanh toán trực tiếp tại POS	50.000.000		
1.1.6	Hạn mức giao dịch thanh toán trực tuyến/ngày	50.000.000		

1.1.7	Hạn mức giao dịch thanh toán Contacless tại POS/ ngày	50.000.000		
1.2	Hạn mức giao dịch tối đa/lần	Hạn mức		
1.2.1	Chuyển khoản tại ATM KienlongBank (tài khoản nhận thuộc KienlongBank)	50.000.000		
1.2.2	Chuyển khoản liên ngân hàng tại ATM KienlongBank	50.000.000		
1.2.3	Chuyển khoản liên ngân hàng tại ATM Ngân hàng khác ⁽⁶⁾	10.000.000		
1.2.4	Rút tiền mặt tại ATM KienlongBank	5.000.000		
1.2.5	Rút tiền mặt tại ATM Ngân hàng khác	Theo quy định của Ngân hàng khác		
1.2.6	Giao dịch thanh toán trực tiếp tại POS	50.000.000		
1.2.7	Hạn mức giao dịch thanh toán trực tuyến/lần	50.000.000		
1.2.8	Hạn mức giao dịch thanh toán Contacless tại POS/ lần	50.000.000		
1.3	Phí dịch vụ thẻ	Mức phí	Phí tối thiểu	Phí tối đa
1.3.1	Phí thay thẻ (cấp lại) thẻ vật lý			
	- Không do lỗi Chủ Thẻ: Thẻ hỏng do lỗi in dập Thẻ,...	Miễn phí		
	- Do lỗi Chủ Thẻ: Thẻ mất, thất lạc, bị hỏng trong quá trình sử dụng, bị nuốt tại ATM,....	50.000		
3.3.2	Phí chuyển đổi ngoại tệ ⁽¹⁾	2,7% số tiền giao dịch		
1.4	Số dư tối thiểu trong tài khoản mặc định liên kết đến Thẻ ⁽³⁾			
3.4.1	Cá nhân	Không yêu cầu		
3.4.2	Tổ chức	Theo quy định TKTT tổ chức của KienlongBank		
2	THẺ JCB PLATINUM			
2.1	Hạn mức giao dịch tối đa/ngày	Hạn mức		
2.1.1	Chuyển khoản tại ATM KienlongBank (tài khoản nhận thuộc KienlongBank)	500.000.000		
2.1.2	Chuyển khoản liên ngân hàng tại ATM nói chung	250.000.000đ		
2.1.3	Rút tiền mặt tại ATM trong nước	100.000.000		
2.1.4	Rút tiền mặt tại ATM nước ngoài ⁽⁵⁾⁽²⁾	30.000.000		
2.1.5	Giao dịch thanh toán trực tiếp tại POS	500.000.000		
2.1.6	Hạn mức giao dịch thanh toán trực tuyến/ngày	200.000.000		
2.1.7	Hạn mức giao dịch thanh toán Contacless tại POS/ ngày	200.000.000		
2.2	Hạn mức giao dịch tối đa/lần	Hạn mức		

2.2.1	Chuyển khoản tại ATM KienlongBank (tài khoản nhận thuộc KienlongBank)	200.000.000		
2.2.2	Chuyển khoản liên ngân hàng tại ATM KienlongBank	200.000.000		
2.2.3	Chuyển khoản liên ngân hàng tại ATM Ngân hàng khác ⁽⁶⁾	100.000.000		
2.2.4	Rút tiền mặt tại ATM KienlongBank	10.000.000		
2.2.5	Rút tiền mặt tại ATM Ngân hàng khác	Theo quy định của Ngân hàng khác		
2.2.6	Giao dịch thanh toán trực tiếp tại POS	200.000.000		
2.2.7	Hạn mức giao dịch thanh toán trực tuyến/lần	100.000.000		
2.2.8	Hạn mức giao dịch thanh toán Contacless tại POS/ lần	100.000.000		
2.3	Phí dịch vụ thẻ	Mức phí	Phí tối thiểu	Phí tối đa
2.3.1	Phí thay thẻ (cấp lại) thẻ vật lý			
	- Không do lỗi Chủ Thẻ: Thẻ hỏng do lỗi in dập Thẻ...	Miễn phí		
	- Do lỗi Chủ Thẻ: Thẻ mất, thất lạc, bị hỏng trong quá trình sử dụng, bị nuốt tại ATM,....	Miễn phí		
2.3.2	Phí chuyển đổi ngoại tệ ⁽¹⁾	2,5% số tiền giao dịch		
2.4	Số dư tối thiểu trong tài khoản mặc định liên kết đến Thẻ ⁽³⁾			
4.4.1	Cá nhân	Không yêu cầu		
4.4.2	Tổ chức	Theo quy định TKTT tổ chức của KienlongBank		
3	HẠN MỨC, BIỂU PHÍ CHUNG			
3.1	Hạn mức giao dịch	Hạn mức		
3.1.1	Tổng số lần tối đa/ngày chuyển khoản tại ATM KienlongBank (Tài khoản nhận thuộc KienlongBank)	99 lần		
3.1.2	Tổng số lần tối đa/ngày chuyển khoản tại ATM KienlongBank (Tài khoản nhận liên ngân hàng)	10 lần		
3.1.3	Tổng số lần tối đa/ngày rút tiền mặt tại ATM nói chung	20 lần		
3.1.6	Tổng số lần giao dịch thanh toán Contacless tại POS/ngày	Không giới hạn		
3.2	Phí dịch vụ thẻ	Mức phí	Phí tối thiểu	Phí tối đa
3.2.1	Phí Phát hành thẻ	Miễn phí		
3.2.2	Phí cấp lại mã số ePIN	- Tại App KienlongBank Plus: Miễn phí		

		Tại Quầy: Không áp dụng		
3.2.3	Phí cấp lại Thẻ phi vật lý (tại App KienlongBank Plus)	Miễn phí		
3.2.4	Phí chuyển đổi thành thẻ vật lý (trên App KienlongBank Plus)	Miễn phí		
3.2.5	Phí khóa/mở khóa thẻ	Miễn phí		
3.2.6	Phí đóng thẻ trước hạn theo yêu cầu Chủ Thẻ	50.000		
3.2.7	Phí tra soát khiếu nại			
	- Lỗi không thuộc về khách hàng	Miễn phí		
	- Lỗi thuộc về khách hàng	80.000/lần		
3.2.8	Phí nhận lại thẻ bị nuốt	Miễn phí		
3.2.9	Phí dịch vụ đặc biệt ⁽²⁾	100.000/lần		
3.2.10	Phí duy trì dịch vụ Thẻ ⁽⁴⁾			
	- Thẻ chính	Miễn phí		
	- Thẻ phụ	Miễn phí		
3.2.11	Phí Bật/Tắt tính năng: Thanh toán trực tuyến/Rút tiền mặt tại ATM/Giao dịch thanh toán tại POS	Miễn phí		
3.2.12	Phí giao dịch thanh toán trực tuyến	Miễn phí		
3.3	Phí giao dịch tại máy ATM	Mức phí	Phí tối thiểu	Phí tối đa
3.3.1	Phí rút tiền mặt			
	- Tại ATM KienlongBank	Miễn phí		
	- Tại ATM Ngân hàng khác trong nước	Miễn phí		
	- Tại ATM ngân hàng nước ngoài	2,2%/ Số tiền giao dịch	30.000	
3.3.2	Phí chuyển khoản trong hệ thống tại ATM KienlongBank	Miễn phí		
3.3.3	Phí chuyển khoản liên ngân hàng			
	- Tại ATM KienlongBank	Miễn phí		
	- Tại ATM Ngân hàng khác trong nước	3.000/giao dịch		
3.3.4	Phí tra cứu số dư			
	- Tại ATM KienlongBank	Miễn phí		
	- Tại ATM Ngân hàng khác	3.000/giao dịch		
3.3.5	Phí in sao kê giao dịch			
	- Tại ATM KienlongBank	500/giao dịch		
	- Tại ATM Ngân hàng khác	3.000/giao dịch		

3.3.6	Phí đổi mã số PIN			
	- Tại ATM KienlongBank	Miễn phí		
	- Tại ATM Ngân hàng khác	Miễn phí		
3.4	Phí giao dịch tại POS	Mức phí	Phí tối thiểu	Phí tối đa
3.4.1	Phí thanh toán hàng hóa dịch vụ			
	- Tại POS của KienlongBank đặt tại ĐVCNT	Miễn phí		
	- Tại POS của Ngân hàng khác đặt tại ĐVCNT	Miễn phí		
3.4.2	Phí đổi mã số PIN tại POS của KienlongBank đặt tại CN/PGD KienlongBank	Miễn phí		
3.4.3	Phí tra cứu số dư tại POS của KienlongBank đặt tại CN/PGD KienlongBank	Miễn phí		

B. NGUYÊN TẮC THU PHÍ

- M: Gồm tất cả các loại máy giao dịch tự động.
- Biểu phí này (trừ các Phí có đánh số ⁽¹⁾ không chịu thuế GTGT) chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT). Việc thu thuế VAT sẽ được thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính.
- ⁽²⁾: Phí dịch vụ đặc biệt (đối với Thẻ ghi nợ) là phí mà KienlongBank chấp nhận thực hiện những yêu cầu đặc biệt liên quan đến Thẻ của Chủ Thẻ, gồm: Phí xác nhận thông tin Thẻ theo yêu cầu của Chủ Thẻ (trừ trường hợp mục đích xác nhận thông tin để nhận lại Thẻ bị nuốt tại ATM); Phí phát hành nhanh; Phí thay đổi hạn mức giao dịch; Phí chọn số Thẻ theo yêu cầu.
- ⁽³⁾: Trường hợp Khách hàng có nhiều Thẻ ghi nợ phát hành trên cùng một tài khoản thanh toán, chỉ phong tỏa số dư tối thiểu trong tài khoản của Thẻ nào cao nhất theo quy định tại Biểu phí này.
- ⁽⁴⁾: Hay còn gọi là phí thường niên. Phí này thu hàng tháng và thu khi Thẻ có giao dịch trong vòng 03 tháng gần nhất.
- ⁽⁵⁾: Trường hợp hạn mức rút tiền tại ATM nước ngoài theo quy định KienlongBank lớn hơn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước thì mặc định áp dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
- ⁽⁶⁾: Trường hợp hạn mức chuyển tiền liên ngân hàng tại ATM Ngân hàng khác theo quy định KienlongBank lớn hơn theo quy định của Ngân hàng khác thì áp dụng theo quy định của Ngân hàng đó.
- Việc rút tiền mặt tại hệ thống ATM của ngân hàng khác có thể sẽ bị tính thêm một khoản phí do ngân hàng đó quy định.
- Các hạn mức giao dịch trên lần, trên ngày và trên tháng (trừ các hạn mức giao dịch chuyển khoản) được quy định tại Biểu phí, Hạn mức này là hạn mức giao dịch đã bao gồm các phí phát sinh liên quan khi thực hiện giao dịch đó.

- Các khoản phí dịch vụ và các chi phí khác đã thu theo biểu phí này không được hoàn lại trong trường hợp khách hàng yêu cầu hủy giao dịch.
- Các phí khác liên quan không được quy định tại Biểu phí này sẽ được áp dụng theo biểu phí hiện hành của KienlongBank.
- Danh sách các Ngân hàng liên kết với KienlongBank trong dịch vụ Thẻ và Ngân hàng điện tử sẽ được KienlongBank công bố trong từng thời kỳ.
- Biểu phí này có thể thay đổi, điều chỉnh theo chính sách của KienlongBank trong từng thời kỳ.
- Việc thay đổi hạn mức giao dịch của Thẻ (nếu có) tuân thủ theo quy định tại “Quy định phát hành, sử dụng và thanh toán Thẻ ghi nợ Ngân hàng TMCP Kiên Long” từng thời kỳ.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG